

Bản án số: 08/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 19/01/2021

V/v tranh chấp ly hôn, chia tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ngô Văn Trình

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Văn Hưng

2. Bà Trần Ngọc Diệp

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thi – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

**- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre tham gia phiên tòa:**

Bà Lư Ngọc Thiên An – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 379/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, chia tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2020/QĐXX-ST ngày 24 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Ông Huỳnh Thanh N, sinh năm 1995, (có mặt)

Nơi cư trú: 264/C Khu phố A, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Diễm C, sinh năm 1983, địa chỉ: ấp A, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre. (có mặt)

2- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Như Y, sinh năm 1995, (có mặt)

Nơi cư trú: 122D ấp B, xã N, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện đề ngày 31/8/2020, bản tự khai, biên bản hòa giải và lời khai tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn ông Huỳnh Thanh N, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Diễm C trình bày:***

Ông N và bà Nguyễn Thị Như Y tự nguyện hôn nhân và tổ chức đám cưới vào ngày 14/10/2019, tuy nhiên ông N và bà Y không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi cưới nhau thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, đến tháng 04/2020 phát sinh mâu thuẫn do bà Y tự bỏ về nên vợ chồng có phát sinh mâu

thuần. Nay ông N nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng nên yêu cầu được ly hôn với bà Y.

Về con chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tại phiên tòa sơ thẩm ông Huỳnh Thanh N tự nguyện rút lại toàn bộ yêu cầu về việc chia tài sản gồm: 01 dây chuyền 2.5 chỉ vàng 24K, 01 dây chuyền 03 chỉ vàng 18K, 02 chiếc vòng hoa 02 chỉ vàng 24K, 01 bộ vòng ximên 5.5 chỉ vàng 18K, 01 đôi bông tai 01 chỉ vàng 24K, 01 chiếc nhẫn cưới 07 phân vàng 18K và 01 chiếc lắc 03 chỉ vàng 24K.

***Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và lời khai tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn bà Nguyễn Thị Như Y trình bày:***

Bà Y và ông N cưới nhau vào tháng 10/2019, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, mặc dù bà Y đã nhiều lần khuyên ông N làm thủ tục đăng ký kết hôn đúng quy định nhưng ông không đồng ý thực hiện, khoảng tháng 4/2020 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và vợ chồng đã ly thân từ tháng 4/2020 đến nay. Nay ông N yêu cầu ly hôn, bà Y đồng ý.

Về con chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Hai vợ chồng không có tài sản chung. Việc ông N tự nguyện rút lại toàn bộ yêu cầu chia số vàng cưới thì bà Y không có ý kiến.

***Đại diện viện kiểm sát nhân dân phát biểu quan điểm:***

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng theo đúng quy định pháp luật.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận ông N và bà Y là vợ chồng. Về con chung, nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung: Ông Huỳnh Thanh N tự nguyện rút lại toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1]** Về tố tụng: Ông Huỳnh Thanh N yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị Như Y, bà Y có nơi cư trú tại xã N, thành phố B, tỉnh Bến Tre nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre. Về tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa: nguyên đơn, bị đơn không cung cấp thêm chứng cứ, đồng thời không yêu cầu Hội đồng xét xử thu thập thêm chứng cứ mới bổ sung. Hội đồng xét xử xét thấy chứng cứ đã được thu thập đầy đủ nên căn cứ vào các tài liệu chứng cứ thu thập được để giải quyết vụ án theo quy định tại Khoản 4 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Ông Huỳnh Thanh N và bà Nguyễn Thị Như Y tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức hôn lễ và chung sống như vợ chồng vào tháng 10/2019, có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên ông N có đơn yêu cầu không công nhận vợ chồng với bà Y. Tại phiên tòa, bà Y đồng ý với yêu cầu không công nhận vợ chồng. Căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình, không công nhận ông N, bà Y là vợ chồng.

[3] Về con chung, nợ chung: ông Huỳnh Thanh N và bà Nguyễn Thị Như Y đều khai không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Tại phiên tòa nguyên đơn Huỳnh Thanh N tự nguyện rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung. Hội đồng xét xử xét thấy: Đây là sự tự nguyện rút yêu cầu của ông Huỳnh Thanh N, căn cứ vào Khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung gồm 01 dây chuyền 2.5 chỉ vàng 24K, 01 dây chuyền 03 chỉ vàng 18K, 02 chiếc vòng hoa 02 chỉ vàng 24K, 01 bộ vòng ximen 5.5 chỉ vàng 18K, 01 đôi bông tai 01 chỉ vàng 24K, 01 chiếc nhẫn cưới 07 phân vàng 18K và 01 chiếc lắc 03 chỉ vàng 24K.

[6] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch 300.000 đồng, ông Huỳnh Thanh N phải nộp. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch do ông Huỳnh Thanh N tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện nên hoàn trả lại cho ông N số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 28, Khoản 1 Điều 35 và Khoản 1 Điều 39, Khoản 2 Điều 244, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 53, Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ sống chung giữa ông Huỳnh Thanh N và bà Nguyễn Thị Như Y xác lập từ tháng 10/2019 là vợ chồng.

2/ Về con chung, nợ chung: Ông Huỳnh Thanh N và bà Nguyễn Thị Như Y khai không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3/ Về tài sản chung: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của ông Huỳnh Thanh N về chia tài sản chung gồm 01 dây chuyền 2.5 chỉ vàng 24K, 01 dây chuyền 03 chỉ vàng 18K, 02 chiếc vòng hoa 02 chỉ vàng 24K, 01 bộ vòng ximen 5.5 chỉ vàng 18K,

01 đôi bông tai 01 chỉ vàng 24K, 01 chiếc nhẫn cưới 07 phân vàng 18K và 01 chiếc lắc 03 chỉ vàng 24K.

4/ Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng ông Huỳnh Thanh N phải nộp nhưng được khấu trừ vào biên lai thu tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003470 ngày 08/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre hoàn lại cho ông Huỳnh Thanh N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.450.000 (một triệu bốn trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai thu số 0003471 ngày 08/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre.

Ông Huỳnh Thanh N và bà Nguyễn Thị Như Y có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND thành phố Bến Tre (1b);
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- Chi cục THADS TP Bến Tre (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu HS, VP (2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Ngô Văn Trình**